VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 50 /2025/QĐ-UBND	*Tây Ninh, ngày 19 tháng 6 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định điều kiện, nội dung, mức cho vay ưu đãi để thực hiện chính sách tín dụng hỗ trợ vay vốn ưu đãi một số hoạt động thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

Căn cứ Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

Căn cứ Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tỉnh Tây Ninh;

Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh ban hành Quyết định ban hành Quy định điều kiện, nội dung, mức cho vay ưu đãi để thực hiện chính sách tín dụng hỗ trợ

vay vốn ưu đãi một số hoạt động thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định điều kiện, nội dung, mức cho vay ưu đãi để thực hiện chính sách tín dụng hỗ trợ vay vốn ưu đãi một số hoạt động thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày … tháng …. năm 2025.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Tây Ninh; Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- VPCP;
- Cục KTVB&QLXLVPHC (Bộ Tư pháp);
- Vụ pháp chế (Bộ Tài chính);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- TTTU; TT HĐND tỉnh;
- QCT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Tổng GĐ NHCSXH;
- Trung tâm Công báo – Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, VP. UBND tỉnh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Đoàn Trung Kiên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Điều kiện, nội dung, mức cho vay ưu đãi để thực hiện chính sách tín dụng hỗ trợ vay vốn ưu đãi một số hoạt động thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 50 /2025/QĐ-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định điều kiện, nội dung, mức cho vay ưu đãi để thực hiện chính sách tín dụng hỗ trợ vay vốn ưu đãi một số hoạt động thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, bao gồm:

1. Phát triển sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm, ổn định sinh kế, duy trì và phát triển các làng nghề truyền thống.

2. Hỗ trợ cải thiện nhà ở.

3. Phát triển các sản phẩm thuộc Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP).

4. Phát triển du lịch nông thôn.

Điều 2. Đối tượng được hỗ trợ vay vốn ưu đãi

Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng nông thôn; cá nhân người dân tộc thiểu số, hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ có mức sống trung bình, người lao động tại địa bàn thuộc phạm vi thực hiện của các chương trình mục tiêu quốc gia của tỉnh.

Điều 3. Điều kiện vay vốn

1. Đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

a) Được thành lập và hoạt động hợp pháp;

b) Có dự án vay vốn khả thi để sản xuất, kinh doanh, phát triển các sản phẩm thuộc Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP), duy trì và phát triển các làng nghề truyền thống, phát triển du lịch. Dự án vay vốn có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã tại nơi thực hiện dự án;

c) Có đảm bảo tiền vay theo quy định của pháp luật (nếu có).

2. Đối với hộ gia đình, người lao động

a) Thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ có mức sống trung bình, người lao động, cá nhân người dân tộc thiểu số tại địa bàn thuộc phạm vi thực hiện của các chương trình mục tiêu quốc gia;

b) Có đầy đủ năng lực hành vi dân sự;

c) Có nhu cầu vay vốn, có dự án vay vốn khả thi để sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm, ổn định sinh kế, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện dự án.

Điều 4. Các nội dung hỗ trợ cho vay vốn

1. Phát triển sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm, ổn định sinh kế, duy trì và phát triển các làng nghề truyền thống bao gồm:

a) Đầu tư mới hoặc mở rộng quy mô sản xuất nông nghiệp theo hướng phát triển vùng nguyên liệu, sản xuất hàng hóa; sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, sản xuất theo cộng đồng, sản xuất theo các ngành nghề truyền thống;

b) Đầu tư mới hoặc mở rộng quy mô các cơ sở chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản;

c) Vay vốn để đầu tư tiêu thụ nông, lâm, thủy sản hàng hóa của các tổ chức, cá nhân;

d) Đầu tư các hoạt động dịch vụ hậu cần nghề cá, hoạt động khai thác đánh bắt thủy sản, hoạt động nuôi trồng thủy sản;

e) Hỗ trợ cho vay sản xuất vật liệu xây dựng, thủ công mỹ nghệ, đồ gỗ, mây tre đan, cơ khí nhỏ.

2. Hỗ trợ cải thiện nhà ở, bao gồm: Vay vốn để xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà để ở.

3. Phát triển các sản phẩm thuộc Chương trình "Mỗi xã một sản phẩm" (OCOP), bao gồm:

a) Đầu tư, mở rộng, cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất, chế biến sản phẩm OCOP;

b) Đầu tư thiết bị, máy móc, công nghệ phục vụ sản xuất, chế biến sản phẩm OCOP;

c) Đầu tư nghiên cứu, chuyển giao ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất, chế biến sản phẩm OCOP;

d) Đầu tư trung tâm, cửa hàng, điểm trưng bày, giới thiệu và bán sản phẩm OCOP bao gồm biển hiệu, quầy kệ, một số trang thiết bị để phục vụ trưng bày và bán sản phẩm OCOP.

4. Phát triển du lịch nông thôn, bao gồm:

a) Đầu tư phát triển dịch vụ du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm, du lịch gắn với bảo tồn thiên nhiên, du lịch cộng đồng, du lịch nông nghiệp trên địa bàn nông thôn có sử dụng lao động nông thôn;

b) Xây dựng mới, sửa chữa và phát triển các hạ tầng dịch vụ phục vụ du lịch (nhà ở cho khách du lịch thuê; điểm trưng bày sản phẩm đặc sản nông thôn, ăn uống, giải khát).

Điều 5. Mức cho vay, thời hạn cho vay; lãi suất cho vay; quy trình, thủ tục hồ sơ cho vay; gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn; bảo đảm tiền vay (nếu có).

1. Đối với các nội dung hỗ trợ cho vay vốn tại khoản 1, khoản 3, khoản 4 Điều 4 của Quy định này thực hiện cho vay theo quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm; Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm và các văn bản hướng dẫn của Ngân hàng Chính sách xã hội.

2. Đối với các nội dung hỗ trợ cho vay vốn tại khoản 2 Điều 4 của Quy định này

a) Mức cho vay: Tối đa bằng 70% giá trị dự toán hoặc phương án sử dụng vốn, tối đa không quá 01 tỷ đồng, có căn cứ suất vốn đầu tư xây dựng, đơn giá xây dựng nhà ở của cấp có thẩm quyền và không vượt quá 70% giá trị tài sản bảo đảm tiền vay. Mức cho vay cụ thể do Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay xem xét căn cứ vào nguồn vốn, khả năng trả nợ, phương án tính toán giá thành và phương án sử dụng vốn của khách hàng;

b) Thời hạn cho vay; lãi suất cho vay; quy trình, thủ tục hồ sơ cho vay; gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn; bảo đảm tiền vay (nếu có): Thực hiện cho vay theo quy định tại Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội và các văn bản hướng dẫn của Ngân hàng Chính sách xã hội.

Điều 6. Quản lý và sử dụng tiền lãi cho vay; xử lý nợ bị rủi ro; chế độ báo cáo; hạch toán, theo dõi cho vay, chế độ báo cáo quyết toán

Thực hiện theo quy định tại Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12 của Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Tây Ninh ban hành kèm theo Quyết định số 03/2025/QĐ-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Điều 7. Nguồn vốn cho vay

Ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp xã gồm vốn đầu tư công, vốn đầu tư phát triển khác, kinh phí thường xuyên ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội khu vực.

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan tổ chức triển khai thực hiện cho vay kịp thời, kiểm tra giám sát đảm bảo đúng đối tượng, sử dụng vốn đúng mục đích và phát huy hiệu quả chương trình; định kỳ hàng quý báo cáo kết quả hỗ trợ cho vay vốn về các cơ quan thường trực các Chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Sở Tài chính

Chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan cân đối nguồn vốn ngân sách tỉnh hàng năm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phương án bố trí vốn ngân sách tỉnh ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh để hỗ trợ thực hiện cho vay.

3. Các sở: Nông nghiệp và Môi trường; Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Phối hợp với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, các cơ quan, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các xã, phường cho ý kiến về đối tượng để thực hiện hỗ trợ vay vốn ưu đãi theo Quy định này.

4. Các tổ chức chính trị - xã hội các cấp nhận ủy thác

Phối hợp với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội khu vực tổ chức tuyên truyền, phối hợp trong công tác quản lý vốn, triển khai cho vay đảm bảo đúng đối tượng, đúng mục đích.

5. Ủy ban nhân dân các xã, phường

a) Hàng năm, trình Hội đồng nhân dân các xã, phường quyết định bố trí nguồn vốn ngân sách cấp xã ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và qua Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội khu vực để thực hiện cho vay theo quy định tại Quy định này;

b) Rà soát, bình xét, xác nhận đối tượng, phổ biến tuyên truyền nội dung chính sách cho vay và phối hợp với Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội khu vực triển khai thực hiện cho vay có hiệu quả Quy định này.

6. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị có liên quan phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp, tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

7. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn áp dụng tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản mới đó./.